

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 37/2024/KDTM-ST
Ngày: 09-5-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
cho thuê tài chính

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Kim Hương

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2023/KTST ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2024/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2024/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty C; Trụ sở: C T, phường B, Quận A, Tp .; Người đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu B (Giấy ủy quyền số 90/2023 ngày 01/3/2023).

- Bị đơn: Công ty TNHH I; Trụ sở: D T, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh Q – giám đốc; Địa chỉ: 2 N, phường T, quận T, Tp .

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Minh Q và bà Đoàn Thị Ngọc H; Cùng địa chỉ: 2 N, phường T, quận T, Tp .

(Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn có mặt, Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/03/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Thu B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do Công ty TNHH I (Gọi tắt là Công ty I) có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C (Gọi tắt là Công ty cho thuê tài chính) tài trợ tài chính nên vào ngày 08/06/2021, hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B210611802 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, tài sản mà Công ty TNHH I có nhu cầu thuê tài chính là:

STT	Tài sản thuê	Số lượng
1	Máy xẻ rãnh bánh (Máy phay) tự động	01
2	Máy ép nhũ (2 nhũ) 3HP	03
3	Máy dán hộp tự động	01
4	Máy bẻ ML 750/930/1040	03
5	Máy bôi keo trên giấy (thủ công 650)	01
6	Máy lên keo tự động 650A (Feeder)	01
7	Máy dán góc XY-40	01
8	Máy gấp hộp bán tự động XY-450B	02
9	Máy thụt B500	02
10	Máy cán màng nhiệt 920C (làm nóng bằng nhiệt)	01
11	Máy laser 1610 (2 đầu cắt)	01
12	Máy đặt nút sắt âm dương (hút nam châm)	01
13	Máy dán góc thành phẩm: 50*50*50	01
Tổng cộng:		19

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, Công ty C có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông Phan Minh Q, bà Đoàn Thị Ngọc H được lập vào ngày 08/06/2021 về việc bảo lãnh thực hiện

nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê đối với tất cả các Hợp đồng thuê.

Để thực hiện Hợp đồng thuê số B210611802, Công ty C đã ký Hợp đồng mua bán trong nước số B210611802-PC vào ngày 18/06/2021 để mua tài sản cho thuê tài chính theo Hợp đồng thuê từ Công ty TNHH X và cho Công ty TNHH I thuê lại các Tài sản thuê này. Ngày 24/06/2021, Công ty TNHH I đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

Tổng giá trị của Tài sản thuê là 2.877.600.000 đồng. Trong đó Công ty TNHH I trả trước 719.400.000 đồng (“Tiền trả trước”), số tiền mà Công ty C tài trợ là 2.158.200.000 đồng (“Giá trị thuê”). Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 42 tháng, kể từ ngày 25/07/2021. Số tiền ký cược đảm bảo tài sản mà Công ty I phải đóng là 287.760.000 đồng. Nếu Công ty I không thanh toán tiền thuê thì Công ty C có quyền trừ vào nợ gốc mà Công ty I còn thiếu.

Hàng tháng, Công ty TNHH I phải thanh toán cho Công ty C thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty TNHH I trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với Tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty TNHH I vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty TNHH I bồi thường thiệt hại (nếu có).

Lãi suất thuê áp dụng cho các Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê mà Công ty C đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam. Theo đó, lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C cộng với biên độ cố định 6.97%, lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 13%/năm.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty TNHH I thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty C đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH I thanh toán.

Do Công ty TNHH I đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 20/12/2022, Công ty C1 đã phát hành Thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê,

yêu cầu Công ty TNHH I thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 20/12/2022 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 1.777.384.877 đồng (Một tỷ bảy trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm tám mươi tư nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Sau khi chấm dứt Hợp đồng thuê, Công ty C1 đã nhiều lần liên hệ với Công ty TNHH I để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy nhiên, cho đến nay phía Công ty TNHH I vẫn chưa thực hiện việc thanh toán đầy đủ các khoản tiền trên cho Công ty chúng tôi và cũng không giao trả tài sản thuê cho Công ty C để xử lý và cản trở vào nợ.

Ngày 03/01/2023, Công ty C1 phát hành T yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu ông Phan Minh Q, bà Đoàn Thị Ngọc H thanh toán theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký nhưng đến nay ông Phan Minh Q, bà Đoàn Thị Ngọc H vẫn chưa thanh toán số tiền mà Công ty TNHH I còn nợ Công ty chúng tôi.

Ngày 09/01/2023, Công ty TNHH I thanh toán cho Công ty chúng tôi số tiền là 67.646.530 đồng.

Ngày 28/07/2023, Công ty TNHH I thanh toán cho Công ty chúng tôi số tiền là 30.000.000 đồng.

Vì vậy, nay Công ty C yêu cầu Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết những nội dung sau:

- Buộc Công ty TNHH I thanh toán cho Công ty C số tiền thuê mà Công ty TNHH I còn nợ tạm tính đến ngày 09/05/2024 là 1.637.307.400 đồng (một tỷ sáu trăm ba mươi bảy triệu ba trăm lẻ bảy ngàn bốn trăm đồng), cụ thể như sau: Nợ gốc: 1.077.164.757 đồng; Nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 20/12/2022: 314.813.590 đồng; Nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 20/12/2022 đến ngày 09/05/2024: 245.329.053 đồng. Yêu cầu thanh toán 01 lần toàn bộ số nợ còn thiếu.

- Buộc Công ty TNHH I thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 10/5/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê.

- Trường hợp không thanh toán được số tiền thuê còn nợ, buộc Công ty TNHH I giao trả Tài sản thuê để Công ty C xử lý, thu hồi nợ.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Công ty TNHH I không giao trả Tài sản thuê, buộc ông Phan Minh Q, bà Đoàn Thị Ngọc H thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo nội dung Thư bảo lãnh cá nhân đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Tại phiên tòa hôm nay Công ty TNHH I và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo pháp luật tố tụng qui định tại Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97, Điều 171, Điều 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vi phạm này không ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án, nên Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú kiến nghị khắc phục.

- *Về nội dung vụ án:* Ngày 08/06/2021, Công ty C và Công ty I đã ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số B210611802 và phụ lục đính kèm là phù hợp với quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty I đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nhưng không có thiện chí hợp tác. Nay Công ty cho thuê tài chính yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu bao gồm gốc lãi tính đến ngày 09/5/2024 là 1.637.307.400 đồng là phù hợp với quy định pháp luật và có cơ sở chấp nhận. Đối với việc yêu cầu thu hồi 19 tài sản cho thuê theo hợp đồng cho thuê tài chính mà hai bên đã ký kết là phù hợp và có cơ sở chấp nhận. Trường hợp Công ty I không thanh toán số nợ còn thiếu thì Công ty cho thuê tài chính có quyền yêu cầu ông Phan Minh Q và bà Đoàn Thị Ngọc H thực hiện việc liên đới trả nợ thay cho bị đơn theo chứng thư bảo lãnh đã ký kết có cơ sở và phù hợp. Do đó từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Xét đơn khởi kiện ngày 01/03/2023 của nguyên đơn, căn cứ vào Hợp đồng cho thuê tài chính số B210611802 ngày 08/06/2021 và phụ lục đính kèm thì giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh tranh chấp, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính. Do bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục

kinh doanh thương mại là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật tại khoản 1, khoản 2 Điều 177; Điều 179; Điều 196, Điều 208, Điều 220; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn - Công ty I và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền thuê còn thiếu tạm tính đến ngày 09/05/2024 là 1.637.307.400 đồng (một tỷ sáu trăm ba mươi bảy triệu ba trăm lẻ bảy ngàn bốn trăm) đồng, cụ thể như sau: Nợ gốc: 1.077.164.757 đồng; Nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 20/12/2022: 314.813.590 đồng; Nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 20/12/2022 đến ngày 09/05/2024: 245.329.053 đồng. Yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 10/5/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét hợp đồng cho thuê tài chính số B210611802 ngày 08/06/2021 và phụ lục đính kèm được giao kết giữa Công ty C và Công ty TNHH I đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng thì bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 20/12/2022 nguyên đơn đã phát hành Thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê trước thời hạn là phù hợp với quy định của hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thể hiện thiện chí, vắng mặt trong tất cả các buổi hòa giải cũng như xét xử tại Tòa án.

Ngoài ra đối với số tiền ký cược đảm bảo mà Công ty I đã đóng cho Công ty C thuê là 287.760.000 đồng, nay nguyên đơn yêu cầu được trừ số tiền trên vào số nợ gốc của Công ty I là phù hợp với quy định Tại khoản 13.3 của Điều 13 Hợp đồng cho thuê tài chính ngày 08/6/2021 “ ...Tiền ký cược đảm bảo sẽ được dùng để cản trừ cho khoản tiền thuê còn lại...” Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị

đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 09/5/2024 là 1.077.164.757 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- Về nợ lãi: Xét thấy, tiền lãi cho thuê tài sản theo thỏa thuận của các đương sự theo hợp đồng cho thuê tài chính là phù hợp với Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02/5/2001 của Chính phủ, Quy chế cho vay và quyết định số 546/2002/QĐNHNN, ngày 30/5/2002, của Thống đốc Ngân hàng N về việc thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hoạt động tín dụng thương mại nên lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng cho thuê tài chính số B210611802 ngày 08/06/2021 và phụ lục đính kèm là hợp pháp. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày chấm dứt hợp đồng là 20/12/2022 là 560.142.634 đồng là có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 10/5/2024 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính số mà các bên đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét việc Công ty C yêu cầu thu hồi 19 (mười chín) tài sản cho thuê là: 01 Máy xẻ rãnh bánh (Máy phay) tự động; 03 Máy ép nhũ (2 nhũ) 3HP; 01 Máy dán hộp tự động; 03 Máy bẻ ML 750/930/1040; 01 Máy bôi keo trên giấy (thủ công 650); 01 Máy lên keo tự động 650A (Feeder); 01 Máy dán góc XY-40; 02 Máy gấp hộp bán tự động XY-450B; 02 Máy thụt B500; 01 Máy cán màng nhiệt 920C (làm nóng bằng nhiệt); 01 Máy laser 1610 (2 đầu cắt); 01 Máy đặt nút sắt âm dương (hút nam châm); 01 Máy dán góc thành phẩm: 50*50*50 theo hợp đồng cho thuê tài chính số B210611802 ngày 08/06/2021 và phụ lục đính kèm. Hội đồng xét xử nhận định:

Công ty C cung cấp địa chỉ nơi đặt để tài sản trên ở trụ sở Công ty TNHH I nên Tòa án đã đến trụ sở Công ty I để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các máy móc cho thuê. Tuy nhiên khi tới địa chỉ trụ sở Công ty I không có ai xác nhận cụ thể tên các loại máy móc do đó Tòa án không xem xét thẩm định tại chỗ được. Căn cứ vào hợp đồng cho thuê tài chính mà hai bên ký kết ngày 08/06/2021 căn cứ vào biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 08/06/2021 và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hiện nay 19 (mười chín) tài sản cho thuê do bị đơn quản lý sử dụng. Nay bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó việc nguyên đơn yêu cầu thu hồi 19 (mười chín) tài sản cho thuê theo hợp đồng cho thuê tài chính số B210611802 ngày 08/06/2021 và phụ lục đính kèm là phù hợp và có cơ sở chấp nhận.

- Xét, Căn cứ vào các Thư bảo lãnh cá nhân ngày 08/6/2021 thì ông Phan Minh Q và bà Đoàn Thị Ngọc H có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty I khi Công ty không trả được nợ. Việc ký các chứng thư bảo lãnh nêu trên là hoàn toàn tự

nguyên, không bị ép buộc, phù với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 338 và Điều 342 Bộ luật Dân sự 2015, trường hợp Công ty I không có khả năng thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên cho Công ty C thuê tài chính thì ông Phan Minh Q và bà Đoàn Thị Ngọc H có trách nhiệm liên đới trả nợ thay.

- Về thời hạn thanh toán:

Xét, Công ty C thuê tài chính yêu cầu Công ty I thanh toán một lần số tiền nợ còn thiếu ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy Công ty I vi phạm thời hạn thanh toán đã lâu là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty C thuê tài chính nên có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.637.307.400 đồng, tương ứng với số tiền án phí là 61.119.222 đồng.

H1 lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 32.059.222 đồng cho Công ty C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều Điều 335, Điều 336, Điều 338 và Điều 342; Điều 472, 473; 476; 481; 482 Bộ luật Dân sự 2015.

- Điều 112, Điều 113 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Nghị định 09 ngày 22/02/2019 của Ngân hàng N;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn các quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C.

Buộc Công ty TNHH I có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng cho thuê tài chính số B210611802 ngày 08/06/2021 và phụ lục đính kèm tạm tính đến ngày 09/05/2024 là 1.637.307.400 đồng (một tỷ sáu trăm ba mươi bảy triệu ba trăm lẻ bảy ngàn bốn trăm) đồng, trong đó nợ gốc là 1.077.164.757 (một tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi bảy) đồng; Nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 20/12/2022 là 314.813.590 (ba trăm mười bốn triệu tám trăm mười ba ngàn năm trăm chín mươi) đồng; Nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 20/12/2022 đến ngày 09/05/2024 là 245.329.053 (hai trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm hai mươi chín ngàn không trăm năm mươi ba) đồng.

Thời hạn thanh toán: Một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 10/5/2024 cho đến khi Công ty TNHH I trả xong các khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số B210611802 ngày 08/06/2021 và phụ lục đính kèm.

2. Buộc Công ty TNHH I trả lại 19 (mười chín) tài sản cho thuê cho Công ty C theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B210611802 ngày 08/06/2021 và phụ lục đính kèm, bao gồm:

- 01 Máy xẻ rãnh bánh (Máy phay) tự động; - 03 Máy ép nhũ (2 nhũ) 3HP; - 01 Máy dán hộp tự động; 03 Máy bẻ ML 750/930/1040; - 01 Máy bôi keo trên giấy (thủ công 650); - 01 Máy lên keo tự động 650A (F); - 01 Máy dán góc XY-40; - 02 Máy gấp hộp bán tự động XY-450B; - 02 Máy thụt B500; - 01 Máy cán màng nhiệt 920C (làm nóng bằng nhiệt); - 01 Máy laser 1610 (2 đầu cắt); - 1 Máy đặt nút sắt âm dương (hút nam châm); - 01 Máy dán góc thành phẩm: 50*50*50.

3. Trường hợp Công ty TNHH I không thanh toán khoản nợ nêu trên thì ông Phan Minh Q và bà Đoàn Thị Ngọc H có trách nhiệm liên đới trả nợ thay khoản nợ nêu trên của Công ty TNHH I cho Công ty C theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết tại Thư bảo lãnh cá nhân ngày 08/6/2021.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH I phải chịu án phí sơ thẩm là 61.119.222 (sáu mươi một triệu một trăm mười chín ngàn hai trăm hai mươi hai) đồng.

H1 lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 32.059.222 (ba mươi hai triệu không trăm năm mươi chín ngàn hai trăm hai mươi hai) đồng cho Công ty C theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số 0014154 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Oanh)./

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hương